

PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC VĂN HỌC CHO HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG QUA DỰ ÁN HỌC TẬP TRONG DẠY HỌC TRUYỆN NGẮN “CHÍ PHEO”

Trương Thanh Tòng - Trường Trung học phổ thông chuyên Nguyễn Thiện Thành, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

Ngày nhận bài: 15/10/2019; ngày chỉnh sửa: 20/11/2019; ngày duyệt đăng: 02/12/2019.

Abstract: Organizing project-based learning is considered as one of experiential activities' types responding to student's competency development. This article researches deeply the perspectives and organizing project-based learning in teaching short story of Chi Pheo at high school in order to develop literacy competency for students. We also clarify the viewpoint of project learning from a theoretical perspective. In addition, we also analyze specific examples from short story “Chí Phèo” to clarify the orientation of developing the literary competency for students. The research results presented in the article show the combination of basic science with theory and teaching methods, and the need to pay attention to the specific characteristics of project learning in the 2018 Literature curriculum in high school.

Keywords: Experiential activity, project-based learning, competency, develop specific competency.

1. Mở đầu

Chương trình giáo dục phổ thông - Chương trình tổng thể (ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT) và Chương trình giáo dục phổ thông - Chương trình môn Ngữ văn (ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT) đã cụ thể hóa Nghị quyết số 29-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 8 (khóa XI), xác định nội dung trọng tâm của việc đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục phổ thông là sự phát triển năng lực (PTNL) của người học, từ đó nâng cao chất lượng của nguồn nhân lực trong chiến lược phát triển đất nước. Hoàng Hòa Bình (2015) cho rằng, “qua hoạt động, bằng hoạt động, học sinh (HS) hình thành, PTNL, bộc lộ được tiềm năng của bản thân; tự tin, có niềm hạnh phúc bởi thành công và tiếp tục phát triển” [1; tr 25], vậy nên “việc tổ chức những hoạt động học tập và trực tiếp trải nghiệm sáng tạo cho HS để quá trình học thực sự diễn ra là vô cùng cần thiết” [2; tr 138].

Dạy học theo định hướng phát triển năng lực học sinh (PTNLHS) đã được nghiên cứu trong những năm gần đây, cụ thể có thể kể đến các công trình như *Hoạt động học tập môn Ngữ văn trong dạy học định hướng năng lực* của Nguyễn Trọng Hoàn [3]; *Các mô hình dạy đọc nhằm PTNLHS* của Nguyễn Thị Hồng Nam, Dương Thị Hồng Hiếu [4]; *PTNL ngôn ngữ cho HS trung học cơ sở qua tổ chức hoạt động trải nghiệm (HĐT) trong dạy học Ngữ văn* của Nguyễn Thị Quỳnh Trang [5]; *Dạy học PTNL môn Ngữ văn trung học phổ thông* của Đỗ Ngọc Thống và nhóm cộng sự [2]; *Teaching With Developing Learners' Competencies Orientation and Problems in Managing the Process of Teaching Literature in Vietnam* của Bui Thi Kim Anh & Nguyen Thi Yen Phuong [6].

Tuy nhiên, năng lực văn học (NLVH) được hình thành thông qua những hình thức học tập cụ thể của môn Ngữ văn chưa được chú trọng đi sâu khai thác. Vì vậy, việc tổ chức HĐTN nói chung, hình thức *học tập dự án* (HTDA) để PTNL văn học của môn Ngữ văn cho HS THPT đáp ứng yêu cầu của Chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn 2018 nói riêng là rất cần thiết.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Quan niệm về phát triển năng lực và năng lực văn học trong môn Ngữ văn

2.1.1. Phát triển năng lực

Khái niệm *năng lực* đã được sử dụng rộng rãi trong nhiều lĩnh vực khoa học và kỹ thuật, trong đó có giáo dục.

Chương trình Giáo dục Trung học của bang Québec, Canada (2004) xem “*Năng lực là tổ hợp các hành động trên cơ sở sử dụng và huy động hiệu quả kiến thức và kỹ năng từ nhiều nguồn khác nhau để giải quyết thành công các vấn đề diễn ra trong cuộc sống hoặc có cách ứng xử phù hợp trong bối cảnh thực*”.

Hoàng Hòa Bình cho rằng: “*Năng lực là thuộc tính cá nhân được hình thành, phát triển nhờ tố chất sẵn có và quá trình học tập, rèn luyện, cho phép con người thực hiện thành công một loại hoạt động nhất định, đạt kết quả mà mong muốn trong những điều kiện cụ thể*” [1; tr 25].

Chương trình giáo dục phổ thông - Chương trình tổng thể (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT) nêu rõ “*Năng lực là thuộc tính cá nhân được hình thành, phát triển nhờ tố chất sẵn có và quá trình học tập, rèn luyện, cho phép con người huy động tổng hợp các kiến thức, kỹ năng và các thuộc tính cá nhân khác như hứng*

thú, niềm tin, ý chí... thực hiện thành công một loại hoạt động nhất định, đạt kết quả mong muốn trong những điều kiện cụ thể” [7; tr 37].

Như vậy, năng lực chính là việc huy động kiến thức và kỹ năng để giải quyết một cách linh động, hiệu quả một vấn đề cụ thể được đặt ra từ thực tế cuộc sống. Theo đó, năng lực của người học được hình thành và phát triển. Năng lực chỉ thực sự được hình thành và phát triển khi gắn với hoạt động cụ thể; và không thể có được ngay năng lực trong một hoạt động nhất định.

2.1.2. Năng lực văn học trong môn Ngữ văn

Chương trình giáo dục phổ thông - Chương trình tổng thể (ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT) cũng xác định rõ “Những năng lực đặc thù được hình thành, phát triển chủ yếu thông qua một số môn học và hoạt động giáo dục nhất định: năng lực ngôn ngữ, năng lực tính toán, năng lực khoa học, năng lực công nghệ, năng lực tin học, năng lực thẩm mỹ, năng lực thể chất” [7; tr 7]. Với môn Ngữ văn, năng lực ngôn ngữ và NLVH được xem là hai năng lực đặc thù.

Chương trình giáo dục phổ thông - Chương trình môn Ngữ văn (ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT) xác định NLVH gắn với 4 kỹ năng đọc, viết, nghe và nói với những biểu hiện cụ thể như sau:

1) Phân tích và đánh giá văn bản văn học dựa trên những hiểu biết về phong cách nghệ thuật và lịch sử văn học. Nhận biết được đặc trưng của hình tượng văn học và một số điểm khác biệt giữa hình tượng văn học với các loại hình tượng nghệ thuật khác (hội họa, âm nhạc, kiến trúc, điêu khắc); phân tích và đánh giá được nội dung tư tưởng và cách thể hiện nội dung tư tưởng trong một văn bản văn học; nhận biết và phân tích được đặc điểm của ngôn ngữ văn học, câu chuyện, cốt truyện và cách kể chuyện; nhận biết và phân tích được một số đặc điểm phong cách nghệ thuật trong văn học dân gian, trung đại và hiện đại; phong cách nghệ thuật của một số tác giả, tác phẩm lớn.

2) Nêu được những nét tổng quát về lịch sử văn học dân tộc (quá trình phát triển, các đề tài và chủ đề lớn, các tác giả, tác phẩm lớn; một số giá trị nội dung và hình thức của văn học dân tộc) và vận dụng vào việc đọc tác phẩm văn học.

3) Tạo lập được một số kiểu văn bản văn học thể hiện khả năng biểu đạt cảm xúc và ý tưởng bằng hình thức ngôn từ mang tính thẩm mỹ [8; tr 11].

Astri (2016) cho rằng: “NL văn học không thể tự nhiên mà có được” [9; tr 32]. Cũng như năng lực nói chung, NLVH được hình thành và phát triển thông qua

hoạt động và bằng hoạt động: “Qua hoạt động, bằng hoạt động, HS hình thành, PTNL, bộc lộ được tiềm năng của bản thân; tự tin, có niềm hạnh phúc bởi thành công và tiếp tục phát triển” [1; tr 25]. Hoạt động học tập là sự cụ thể hóa mục tiêu cần đạt: bồi dưỡng phẩm chất và PTNLHS. Giáo viên (GV) vì thế cần phải tổ chức hoạt động học tập nói chung và HĐTN nói riêng mà cụ thể là hình thức HTDA một cách linh động và sáng tạo nhằm hướng đến hình thành NLVH cho HS.

2.2. Quan niệm về dạy học theo dự án

Theo tác giả Nguyễn Thị Hồng Nam và cộng sự (2019), dạy học dự án “là một hình thức thông qua trải nghiệm, trong đó người học được khuyến khích thực hiện một nhiệm vụ phức hợp: giải quyết một vấn đề hay trả lời một câu hỏi phức tạp liên quan đến thực tiễn đời sống và gắn với nội dung dạy học” [10; tr 23].

Theo đó, dạy học dự án có những nét đặc trưng sau:

- HS chủ động hợp tác để giải quyết một vấn đề cụ thể và qua đó có cơ hội tự PTNL trên cơ sở kiến tạo kiến thức, rèn luyện kỹ năng, thái độ.

- Hình thành tính kỷ luật, tự giác và kỹ năng hợp tác giữa HS với HS, HS với GV cũng như các thành viên tham gia HTDA.

- Sản phẩm của dự án thực nghiệm thường gồm bài báo cáo đi cùng những hồ sơ liên quan như kế hoạch thực hiện, nhật ký công việc, bài thuyết trình, video clip cũng như tranh ảnh minh họa,...

2.3. Tổ chức hình thức học tập dự án truyện ngắn Chí Phèo để phát triển năng lực văn học cho học sinh

2.3.1. Giao đề tài và giải thích mục tiêu cần đạt

2.3.1.1. Đề tài: Thực hiện một dự án học tập về truyện ngắn Chí Phèo của nhà văn Nam Cao

2.3.1.2. Mục tiêu cần đạt

* Về phẩm chất: Bồi dưỡng lòng nhân ái cho HS.
Cụ thể:

- Có niềm tin vào “chất người” ủ kín bên trong “con người thứ hai” và khả năng vươn dậy của người nông dân nghèo trước Cách mạng tháng Tám 1945;

- Trân trọng khát vọng sống của con người.

* Về năng lực: Phát triển NLVH. NL này được hình thành và phát triển thông qua việc PTNL đọc hiểu văn bản văn học.

* Đọc:

- Đọc hiểu nội dung:

+ Phân tích, nhận xét được các chi tiết tiêu biểu trong việc thể hiện nội dung văn bản Chí Phèo.

+ Phân tích và đánh giá được thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản Chí Phèo.

+ Phân tích và đánh giá được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản *Chí Phèo*.

- *Đọc hiểu hình thức*: Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện ngắn hiện đại như: không gian, thời gian, sự nối kết giữa lời người kể chuyện, lời nhân vật,...

- *Liên hệ, so sánh, kết nối*:

+ So sánh được hai văn bản văn học viết cùng đề tài ở các giai đoạn khác nhau; liên tưởng, mở rộng vấn đề để hiểu sâu hơn văn bản được đọc.

+ Vận dụng được kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống và hiểu biết về lịch sử văn học Việt Nam để nhận xét, đánh giá văn bản văn học.

+ Phân tích được ý nghĩa hay tác động của văn bản văn học trong việc làm thay đổi suy nghĩ, tình cảm, cách nhìn và cách thưởng thức, đánh giá của cá nhân đối với văn học và cuộc sống.

- *Đọc mở rộng*: Truyện ngắn “*Vợ nhặt*” của nhà văn Kim Lân.

* **Viết**:

- *Quy trình viết* (viết như một tiến trình): Biết viết văn bản đúng quy trình, bảo đảm các bước đã được hình thành và rèn luyện ở các lớp trước.

- *Thực hành viết*:

+ Viết được văn bản nghị luận về một tác phẩm văn học; nêu và nhận xét về nội dung, một số nét nghệ thuật đặc sắc.

+ Viết được báo cáo nghiên cứu về một vấn đề xoay quanh truyện ngắn *Chí Phèo*; biết sử dụng các thao tác cơ bản của việc nghiên cứu; biết trích dẫn, cước chú, lập danh mục tài liệu tham khảo và sử dụng các phương tiện hỗ trợ phù hợp.

* **Nói và nghe**:

- *Nói*:

+ Biết giới thiệu một tác phẩm nghệ thuật theo lựa chọn cá nhân.

+ Trình bày được báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề đáng quan tâm; biết sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ với phương tiện phi ngôn ngữ để nội dung trình bày được rõ ràng và hấp dẫn.

- *Nghe*:

+ Nắm bắt được nội dung thuyết trình và quan điểm của người nói.

+ Nêu được nhận xét, đánh giá về nội dung và cách thức thuyết trình.

+ Biết đặt câu hỏi về những điểm cần làm rõ.

- *Nói nghe tương tác*:

+ Biết thảo luận về một vấn đề trong đời sống phù hợp với lứa tuổi;

+ Tranh luận một cách hiệu quả và có văn hoá.

2.3.2. Hướng dẫn học sinh xây dựng kế hoạch thực hiện

- Mỗi nhóm sẽ thực hiện một nhiệm vụ của dự án:

+ Kịch bản dự án học tập truyện ngắn *Chí Phèo*;

+ Nhóm thực hiện gian hàng tư liệu về truyện ngắn *Chí Phèo*: sách, báo, tạp chí, nguồn tư liệu online, websites,...

+ Nhóm thực hiện phóng sự xoay quanh tác phẩm: quay video phỏng vấn GV, HS, người đọc về sự hiểu biết của mình về nhà văn Nam Cao và tác phẩm *Chí Phèo*;

+ Nhóm biên kịch, đạo diễn, sân khấu hóa một trích đoạn trong *Chí Phèo*; nhóm tổ chức tọa đàm về tác phẩm *Chí Phèo*; thiết kế câu hỏi phỏng vấn.

+ Nhóm sưu tầm những bài hát, bài thơ, bài viết về nhà văn và tác phẩm,...

- Thiết kế các kịch bản: gian hàng tư liệu về truyện ngắn *Chí Phèo*; phóng sự; sân khấu hóa và phân vai; chủ đề và nội dung tọa đàm văn học.

- Kế hoạch thực hiện dự án; nhật kí công việc, phân công công việc cho từng thành viên trong nhóm. Nộp bản kế hoạch và phân công công việc cho GV.

2.3.3. Thực hiện dự án

- Các nhóm tiến hành thu thập minh chứng để “*GV theo dõi và có những hướng dẫn kịp thời cho HS*” [4; tr 25].

- Tập duyệt, chạy chương trình, chỉnh sửa kịch bản, bổ sung vào nhật kí công việc.

- Gửi báo cáo về tiến độ công việc đã thực hiện cho GV:

+ Nhật kí công việc.

+ Gian hàng tư liệu về truyện ngắn *Chí Phèo*.

+ Bảng câu hỏi phỏng vấn.

+ Nội dung và các video clips phóng sự.

+ Nội dung tọa đàm về truyện ngắn *Chí Phèo*.

+ Viết nháp sản phẩm, gửi cho GV góp ý, sau đó chỉnh sửa cho phù hợp với yêu cầu cần đạt của mục tiêu bài học.

Khi thực hiện phỏng vấn có sự tham gia của GV Tổ Ngữ văn, cha mẹ HS và HS khối 11 THPT chuyên Nguyễn Thiện Thành. Điều đó cho thấy sự quan tâm của nhà trường, các thầy cô giáo, cha mẹ HS với việc đổi mới phương pháp dạy học Ngữ văn ở Trường THPT chuyên Nguyễn Thiện Thành.

2.3.4. Chia sẻ kết quả và đánh giá sản phẩm

- GV phát phiếu đánh giá (rubric) gồm những tiêu chí đã công bố cho HS trước khi thực hiện và quy định thời gian trình bày cho mỗi nhóm.

- Các nhóm trình bày sản phẩm: HS báo cáo dự án theo hình thức tổ chức sự kiện. Đó chính là sự kiện ra mắt gian hàng tư liệu, phóng sự; tọa đàm văn học; sân khấu hóa tác phẩm *Chí Phèo*.

- Ngoài những tiết mục văn nghệ đặc sắc, bản tin về dự án, về tác giả Nam Cao, HS sẽ được xem lại tiêu phẩm *Chí Phèo* do chính HS tự tổ chức “sân khấu hóa”.

- HS phỏng vấn đạo diễn, diễn viên về tiểu phẩm. Qua đó, HS sẽ nắm bắt được thông điệp của truyện ngắn *Chí Phèo*.

- Các nhóm khác và GV nêu câu hỏi, nhận xét về kết quả, tinh thần thái độ và sự phối hợp giữa các thành viên trong nhóm.

- GV đúc kết những gì HS đã học được, những bài học kinh nghiệm cho lần sau.

Tiến trình tổ chức thực hiện HTDA như trên đã bám sát vào mục tiêu của bài học, đặc biệt là PTNLVH cho HS qua 4 kĩ năng đọc, viết, nói và nghe. Theo Nguyễn Thị Hồng Nam, “*tiêu chí đánh giá chất lượng dựa trên sự sáng tạo, hiệu quả, tính ứng dụng, thông qua nhận xét của những người tham gia như HS, GV, cha mẹ HS*” [10; tr 27].

Điều quan trọng là GV khi tổ chức HTDA cần phải “*biết lắng nghe khi HS bày tỏ cảm xúc về một chủ đề và là người cố vấn tốt để HS đạt được kết quả như kì vọng của các em; GV phải biết chấp nhận quan điểm trái chiều của HS*” [12; tr 308, dẫn theo Desponia và Aikaterini]. Có như thế, sản phẩm từ HTDA của HS mới phong phú và có điểm “*nhấn*” riêng; và sản phẩm mà HS nộp cho GV đó là “*sản phẩm mong đợi*” (expected learning outcomes) chứ chưa phải là “*sản phẩm đúng chuẩn*” (outcome standards). Điều này mới đúng với bản chất của HĐTĐ.

3. Kết luận

PTNLHS “*đòi hỏi GV phải chuyển từ dạy cái sáng dạy cách và nhà quản lí cũng phải thay đổi cách thức quản lí*”. Theo đó, sự trang bị cơ sở lí luận, kinh nghiệm dạy học của GV và quan điểm đổi mới của nhà quản lí sẽ là điều cần thiết để tổ chức dạy học dự án nhằm PTNLVH cho HS. HTDA là “*sợi dây*” để gắn kết môn Ngữ văn với thực tế cuộc sống, “*trả tác phẩm cho HS*”, qua đó nhằm PTNLVH cho HS. Vậy nên, khi tổ chức HTDA, GV cần chú ý xây dựng mục tiêu cụ thể của bài học, yêu cầu cần đạt về phát PTNLVH cho HS và chú ý nghiên cứu các hình thức tổ chức hoạt động học tập phù hợp nhằm kích hoạt tinh thần thái độ hợp tác của HS và phát triển ở người học các năng lực chung cũng như năng lực đặc thù của bộ môn.

Tài liệu tham khảo

- [1] Hoàng Hòa Bình (2015). *Năng lực và đánh giá theo năng lực*. Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, số 6 (71), tr 21-32.
- [2] Đỗ Ngọc Thống (chủ biên) và cộng sự (2018). *Dạy học phát triển năng lực môn Ngữ văn trung học phổ thông*. NXB Đại học Sư phạm.
- [3] Nguyễn Trọng Hoàn (2016). *Hoạt động học tập môn Ngữ văn trong dạy học định hướng năng lực*. Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, số 7(85), tr 74-82.
- [4] Nguyễn Thị Hồng Nam - Dương Thị Hồng Hiếu (2015). *Các mô hình dạy đọc nhằm phát triển năng lực học sinh*. Tạp chí Khoa học, Đại học Cần Thơ, số 1, tr 116-124.
- [5] Nguyễn Thị Quỳnh Trang (2018). *Phát triển năng lực ngôn ngữ cho học sinh trung học cơ sở qua tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học Ngữ văn*. Tạp chí Giáo dục, số 347, tr 29-32; 22.
- [6] Bui Thi Kim Anh - Nguyen Thi Yen Phuong (2018). *Teaching With Developing Learners' Competencies Orientation and Problems in Managing the Process of Teaching Literature in Vietnam*. American Journal of Educational Research, Vol. 6(7), pp. 915-921.
- [7] Bộ GD-ĐT (2018). *Chương trình giáo dục phổ thông - Chương trình tổng thể (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT)*.
- [8] Bộ GD-ĐT (2018). *Chương trình giáo dục phổ thông - Chương trình môn Ngữ văn (ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT)*.
- [9] Astri, H. (2011). *Literary Competency For The Teaching Of Literature In Secondary Language Education Context*. Journal of English and Education, Vol. 5(1), pp. 29-36.
- [10] Nguyễn Thị Hồng Nam (chủ biên) - Trịnh Thị Hương - Trần Minh Hoàng (2019). *Tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh lớp 10 môn Ngữ văn*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- [11] Trương Thanh Tòng (2019). *Tổ chức hoạt động học tập văn học hiện đại Việt Nam ở trường trung học phổ thông theo định hướng phát triển năng lực học sinh*. Tạp chí Giáo dục, số đặc biệt kì 3 tháng 5, tr 166-170.
- [12] Desponia, S. - Aikaterini, M. (2016). *Project-Based Learning The Teacher's New Role and the Development of Students's Social Skills in Upper Secondary Education*. Journal of Education and Learning, Vol. 5(3), pp. 307-314.
- [13] Ferrara, J. (2012). *Using project-based learning to increase student engagement and understanding*.